

SDL:N L-S:N PIIRIN PENTATHLON 20.3.2016, EURA

nro	sija	Pelaaja	pelinumero	yhteis- pisteet	1					välitilanne:		6					välitilanne:		15					"Half- si- pisteet"		välitilanne:		23					maxi pox						
					2x501	2x501	2x501	2x501	1001	pist.	sija	2x501	2x501	2x501	2x501	Shanghai	pist.	sija	2x501	2x501	2x501	2001	pist.	sija	2x501	2x501	2x501	42d	pist.	sija	2x501	2x501	2x501	2x501	kpl	100+			
7	1	Rasmus Petri	369	V15 T7	V16 T8	V17 T9	V18 T10	V18 T10	7	39	8	V19 T1	V1 T6	V2 T8	V3 T10	V3 T10	7	139	1	V4 T2	V5 T4	V6 T6	V6 T6	7	369	1	257	1	V10 T1	V11 T2	V12 T3	V12 T3	7	333	1	V13 T4	V14 T5	8	4
2	2	Haavisto Rami	304	V7 T7	V8 T9	V9 T1	V10 T3	V10 T3	15	50	4	V11 T8	V12 T1	V13 T3	V14 T6	V14 T6	15	137	2	V20 T8	V16 T9	V17 T10	V17 T10	15	126	9	226	2	V2 T6	V3 T8	V4 T10	V4 T10	15	285	2	V5 T2	V6 T4	4	1
8	3	Harju Teemu	281	V14 T8	V15 T9	V16 T10	V17 T1	V17 T1	8	46	5	V18 T2	V19 T3	V1 T7	V2 T9	V2 T9	8	128	3	V3 T1	V4 T3	V5 T5	V5 T5	8	116	10	213	4	V9 T3	V10 T4	V11 T5	V11 T5	8	263	3	V12 T6	V13 T7	1	
5	4	Salonen Rami	272	V17 T5	V18 T6	V19 T7	V1 T4	V1 T4	5	55	2	V2 T9	V3 T8	V4 T10	V20 T2	V20 T2	5	122	4	V6 T3	V7 T4	V8 T5	V8 T5	5	130	8	215	3	V12 T9	V13 T10	V14 T1	V14 T1	5	260	4	V15 T2	V16 T3	3	
2	5	Laine Marko	264	V1 T1	V20 T3	V3 T4	V4 T5	V4 T5	2	57	1	V5 T9	V6 T7	V7 T8	V8 T9	V8 T9	2	120	5	V9 T10	V10 T1	V11 T2	V11 T2	2	58	15	210	5	V15 T6	V16 T7	V17 T8	V17 T8	2	252	5	V18 T9	V19 T6	6	1
11	6	Laine Joonas	241	V20 T2	V12 T4	V13 T6	V14 T7	V14 T7	11	46	5	V15 T8	V16 T10	V17 T1	V18 T3	V18 T3	11	102	7	V19 T4	V1 T10	V2 T2	V2 T2	11	241	5	185	6	V6 T10	V7 T2	V8 T5	V8 T5	11	226	6	V9 T7	V10 T10	3	1
4	7	Simolin Marko	227	V18 T4	V19 T5	V1 T3	V2 T5	V2 T5	4	30	12	V3 T7	V20 T9	V5 T10	V6 T1	V6 T1	4	95	10	V7 T2	V8 T3	V9 T4	V9 T4	4	333	2	167	8	V13 T8	V14 T9	V15 T10	V15 T10	4	215	7	V16 T1	V17 T2		
6	7	Hyvönen Janne	227	V16 T6	V17 T7	V18 T8	V19 T9	V19 T9	6	51	3	V1 T5	V2 T7	V3 T9	V4 T1	V4 T1	6	101	8	V5 T3	V20 T5	V7 T6	V7 T6	6	56	16	164	9	V11 T10	V12 T1	V13 T2	V13 T2	6	212	8	V14 T3	V15 T4	1	2
14	9	Leija Ilkka	216	V8 T8	V9 T10	V10 T2	V11 T7	V11 T7	14	23	15	V12 T6	V13 T2	V20 T4	V15 T6	V15 T6	14	96	9	V16 T7	V17 T8	V18 T9	V18 T9	14	248	4	172	7	V3 T7	V4 T9	V5 T1	V5 T1	14	205	9	V6 T3	V7 T5		
10	10	Finnilä Pauli	215	V12 T10	V13 T1	V14 T2	V15 T3	V15 T3	10	41	7	V16 T4	V17 T5	V18 T6	V19 T7	V19 T7	10	103	6	V1 T9	V2 T1	V3 T3	V3 T3	10	236	6	158	10	V7 T1	V8 T4	V9 T6	V9 T6	10	193	10	V20 T5	V11 T10	3	2
17	11	Kulme Rami	203	V5 T5	V6 T7	V7 T9	V8 T1	V8 T1	17	28	14	V9 T3	V10 T5	V11 T1	V12 T4	V12 T4	17	92	11	V13 T6	V14 T8	V15 T10	V15 T10	17	113	11	154	12	V19 T2	V1 T6	V2 T8	V2 T8	17	191	11	V3 T10	V4 T2	2	2
20	12	Suominen Mikko	195	V11 T2	V2 T3	V12 T5	V3 T6	V3 T6	20	31	10	V13 T10	V4 T9	V14 T4	V5 T2	V5 T2	20	87	12	V15 T8	V6 T5	V16 T7	V16 T7	20	288	3	155	11	V18 T4	V9 T5	V19 T4	V19 T4	20	188	12	V10 T5	V1 T9		3
3	13	Tamminen Marko	186	V19 T3	V1 T2	V2 T4	V20 T6	V20 T6	3	31	10	V4 T7	V5 T8	V6 T9	V7 T10	V7 T10	3	77	14	V8 T1	V9 T2	V10 T3	V10 T3	3	108	12	135	13	V14 T7	V15 T8	V16 T9	V16 T9	3	177	13	V17 T10	V18 T1	1	1
19	14	Jortikka Mika	182	V3 T3	V4 T5	V5 T7	V6 T9	V6 T9	19	29	13	V7 T1	V8 T3	V9 T5	V10 T7	V10 T7	19	81	13	V11 T4	V12 T6	V13 T8	V13 T8	19	14	18	127	14	V17 T2	V18 T3	V20 T4	V20 T4	19	166	14	V1 T8	V2 T6		2
9	15	Vilen Anna	148	V13 T9	V14 T10	V15 T1	V16 T2	V16 T2	9	37	9	V17 T3	V18 T4	V19 T5	V1 T8	V1 T8	9	69	15	V2 T10	V3 T2	V4 T4	V4 T4	9	85	14	117	15	V8 T3	V20 T5	V10 T6	V10 T6	9	141	15	V11 T7	V12 T8		
13	16	Hautajärvi Erik	138	V9 T9	V10 T1	V11 T6	V12 T8	V12 T8	13	14	16	V20 T10	V14 T2	V15 T3	V16 T5	V16 T5	13	56	16	V17 T6	V18 T7	V19 T8	V19 T8	13	87	13	110	16	V4 T8	V5 T10	V6 T2	V6 T2	13	135	16	V7 T4	V8 T7		
16	17	Uusitupa Ari	95	V6 T6	V7 T8	V8 T10	V9 T2	V9 T2	16	12	17	V10 T4	V11 T10	V12 T2	V13 T5	V13 T5	16	36	17	V14 T7	V15 T9	V20 T7	V20 T7	16	226	7	72	17	V1 T5	V2 T7	V3 T9	V3 T9	16	95	17	V4 T1	V5 T3		
12	18	Ferm Nicklas	50	V10 T10	V11 T4	V20 T5	V13 T8	V13 T8	12	3	18	V14 T6	V15 T1	V16 T2	V17 T4	V17 T4	12	24	18	V18 T5	V19 T6	V1 T1	V1 T1	12	33	17	43	18	V5 T9	V6 T1	V7 T3	V7 T3	12	49	18	V8 T6	V9 T8		
1	19	Kahari Riina	38	V2 T1	V3 T2	V4 T3	V5 T4	V5 T4	1	1	19	V6 T5	V7 T6	V8 T7	V9 T8	V9 T8	1	15	19	V10 T9	V11 T10	V12 T1	V12 T1	1	6	20	27	19	V16 T5	V17 T6	V18 T7	V18 T7	1	38	19	V19 T8	V20 T9		1
18	20	Saurus Nina	29	V4 T4	V5 T6	V6 T8	V7 T10	V7 T10	18	0	20	V8 T2	V9 T4	V10 T6	V11 T3	V11 T3	18	10	20	V12 T5	V13 T7	V14 T9	V14 T9	18	13	19	19	20	V20 T4	V19 T3	V1 T7	V1 T7	18	28	20	V2 T9	V3 T1		

TAULUKON LUKUOHJE :
Taulukossa on mainittu vastustaja sekä taulunumero
Siten esim. pelaajan 1 ensimmäisessä sarakkeessa merkintä V2 T1 = vastustaja 2 taululla 1.
(Pelin nopeaan läpiviemiseen tarvitaan siten 10 taulua sekä 10 taulutuomaria.)

Pelit:
2x501 = 2 peliä 501 suora aloitus
1001 = 1 peli suora aloitus
Shanghai = 1 --> 9 osuin
2001 = 1 peli suora aloitus
"Half" = numerot 20, 16, D7, 14, T10, 17, 50
42d = taulun ympäri tupliilla: D1, D2, D3...D20

Suomen Ennätys:
Jarkko Komula, 443 p
23.3.2001
ME / 7.7.2002
John "Boy" Walton, 445 p

Paikka: Rav. Osmantupa, EURA
pääväys: 20.03.2016
Kilpailu: SDL:n L-S:n Piirin Pentathlon 2016

Sija.	Nimi:	Kerho:	Yhteis-pisteet:	ERIKOISPELIT:										01-Voitot			Tonsit:					Katkot:	
				Pist. yht:	sij:	Shanghai	sij:	Half	sij:	Half/pist:	sij:	42 D	sij:	Kpl	pist	Voitto-%	Pist:	Kpl:	95-130	131-159	160-169		170-180
1	Rasmus Petri	Proffan Tikka	369	114	1	59	1	25	1	369	1	30	1	32	64	84,2	145	102	67	27		8	101; 155; 111; 104;
2	Haavisto Rami	Casablanca	304	88	3	42	4	20	4	126	9	26	2	32	64	84,2	124	89	58	27		4	127;
3	Harju Teemu	Casablanca	281	80	4	38	5	16	11	116	10	26	2	29	58	76,3	119	93	68	24		1	
4	Salonen Rami	Proffan Tikka	272	70	6	37	6	19	6	130	8	14	12	28	56	73,7	121	101	84	14		3	
5	Laine Marko	Kukon Tikka	264	66	9	32	9	12	16	58	15	22	5	27	54	71,1	122	82	48	28		6	125;
6	Laine Joonas	Kukon Tikka	241	65	10	28	11	19	6	241	5	18	8	26	52	68,4	108	83	61	19		3	114;
7	Simolin Marko	AK DC	227	92	2	46	3	22	2	333	2	24	4	21	42	55,3	86	75	64	11			
7	Hyvönen Janne	Holvi DC	227	62	12	26	14	16	11	56	16	20	7	25	50	65,8	104	77	51	25		1	130; 100;
9	Leija Ilkka	DC Osman Viiki	216	80	4	50	2	18	9	248	4	12	16	25	50	65,8	79	66	53	13			
10	Finnilä Pauli	Casablanca	215	67	8	34	8	21	3	236	6	12	16	25	50	65,8	85	64	46	15		3	105; 122;
11	Kulme Rami	Holvi DC	203	59	13	26	14	19	6	113	11	14	12	21	42	55,3	92	77	64	11		2	151; 126;
12	Suominen Mikko	Proffan Tikka	195	69	7	31	10	20	4	288	3	18	8	19	38	50,0	76	61	46	15			120; 122; 110;
13	Tamminen Marko	Casablanca	186	65	10	27	13	16	11	108	12	22	5	17	34	44,7	79	62	46	15		1	118;
14	Jortikka Mika	DC Osman Viiki	182	57	14	35	7	6	18	14	18	16	10	19	38	50,0	81	66	53	11		2	
15	Vilen Anna	AK DC	148	47	17	16	17	17	10	85	14	14	12	18	36	47,4	62	54	46	8			
16	Hautajärvi Erik	Kukon Tikka	138	56	15	28	11	14	15	87	13	14	12	18	36	47,4	46	40	34	6			
17	Uusitupa Ari	Salo Darts	95	49	16	18	16	15	14	226	7	16	10	7	14	18,4	32	29	26	3			
18	Ferm Nicklas	Joker DC	50	26	18	14	18	8	17	33	17	4	18	4	8	10,5	16	16	16				
19	Kahari Riina	AK DC	38	17	19	10	19	5	19	6	20	2	19	3	6	7,9	15	12	10	1		1	
20	Saurus Nina	Holvi DC	29	13	20	8	20	3	20	13	19	2	19	4	8	10,5	8	7	6	1			
Yhteensä:			3880	1242		605		311		2885		326		400	800		1600	1256	947	274	0	35	17

Sija.	Nimi:	Kerho:	Pist:	Kpl:	Tikkamäärät:																	Tikka k-arvo	
					9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	501-pelit	sij.				
1	Rasmus Petri	Proffan Tikka	46	24						1	1	4	3	1	6	3	2	3	22,899	1.			
2	Haavisto Rami	Casablanca	28	18						1		1	1	2	3	2	5	3	20,482	4.			
3	Salonen Rami	Proffan Tikka	25	15							1	2	3	1		2	3	3	20,263	5.			
4	Harju Teemu	Casablanca	24	19								1		1	2	4	6	5	21,997	2.			
5	Laine Marko	Kukon Tikka	22	14							1	1	2	1	1	3	3	2	20,926	3.			
6	Laine Joonas	Kukon Tikka	16	11										3	2		4	2	19,693	6.			
6	Kulme Rami	Holvi DC	16	10					1					1	3	1	2	2	19,261	7.			
8	Finnilä Pauli	Casablanca	13	10										3		1	1	5	18,398	11.			
9	Suominen Mikko	Proffan Tikka	12	8									1		3	1	0	3	18,357	12.			
10	Hyvönen Janne	Holvi DC	11	9									1		1	3	1	3	18,883	8.			
11	Tamminen Marko	Casablanca	8	6										2			4		16,449	14.			
12	Simolin Marko	AK DC	7	6										1	2	1	2		18,455	10.			
12	Leija Ilkka	DC Osman Viiki	7	6										1	1	1	3		18,754	9.			
14	Jortikka Mika	DC Osman Viiki	6	6												2	2	2	17,484	13.			
15	Vilen Anna	AK DC	3	3													1	2	16,427	15.			
16	Hautajärvi Erik	Kukon Tikka	0	0															15,789	16.			
16	Uusitupa Ari	Salo Darts	0	0															13,312	17.			
16	Ferm Nicklas	Joker DC	0	0															11,762	18.			
16	Saurus Nina	Holvi DC	0	0															11,746	19.			
16	Kahari Riina	AK DC	0	0															10,190	20.			
Yhteensä:			244	165					3	3	9	11	13	25	25	32	44		17,164				